|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: | Ngày soạn: |

Tiết theo KHBD: ………

**CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET**

**BÀI 5: INTERNET**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

**I. Mục tiêu: SP Tin 6 Anh Nguyet + Pham Huy**

**1. Về kiến thức:**

- Biết internet là gì?

- Biết một số đặc điểm và lợi ích chính của internet.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra. Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ trong cuộc sống hằng ngày.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):**

- Nhận biết được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet.

- Nêu được ví dụ minh hoạ về lợi ích và ứng dụng của Internet với đời sống.

- Phân biệt được các đặc điểm của Internet.

**Năng lực D (NLd):**

- Sử dụng Internet phục vụ cho học tập và trong đời sống.

**Năng lực E (NLe):**

**-**Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

- GV: Giáo án, SGK, tài liệu tham khảo, bảng nhóm, phiếu học tập, phiếu khảo sát.

- HS: SGK, SBT, bút màu.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

-Đặt vấn đề về việc cuộc sống.

**b) Nội dung:**

- Ích lợi của việc sử dụng Internet trong xã hội hiện nay.

**c) Sản phẩm:**

-Ích lợi của Internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

-Giao nhiệm vụ, học sinh trình bày, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Cho hai học sinh đọc đoạn hội thoại giữa An và Minh (SGK/22)  **An:** Mẹ tớ có việc gấp cần đi công tác ngay nhưng bận quá chưa đến phòng vé máy bay được.  **Minh:** Quá đơn giản! Mẹ bạn có thể đặt vé trên Internet mà không cần phải đến phòng vé.  **An:** Vậy sao?  **Minh:** Các hãng hàng không đăng tin về các chuyến bay, giờ bay, giá vé trên Internet. Nếu có kết nối Internet, mẹ bạn có thề tìm thông tin, đặt vé và thanh toán.  **An:** Thật tuyệt! Tớ sẽ nói với mẹ ngay.  - Mỗi học sinh làm việc độc lập, suy nghĩ trả lời câu hỏi trong thời gian quy định.  1.Em có thường xuyên sử dụng mạng Internet?  2. Chúng ta có thể truy cập Internet để làm những công việc nào dưới đây?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Những công việc có sử dụng internet** | **Có** | **Không** | | Quét nhà |  |  | | Đọc báo |  |  | | Xem phim |  |  | | Nấu cơm |  |  | | Đặt vé máy bay |  |  |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày nội dung trước lớp.  1.HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  2.Chúng ta có thể truy cập Internet để: Đọc báo, xem phim, đặt vé máy bay, vé tàu,…  **\* Kết luận, nhận định**  - Sau khi thực hiện xong bài tập giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | 1.HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  2.Chúng ta có thể truy cập Internet để: Đọc báo, xem phim, đặt vé máy bay, vé tàu,…  Chúng ta có thể truy cập Internet để: Đọc báo, xem phim, đặt vé máy bay, vé tàu, học tập, trò chuyện cùng bạn bè trên các ứng dụng của mạng xã hội, mua hàng, tìm kiếm thông tin,… |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (55 phút)**

**Hoạt động 2.1: Internet (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Biết được khái niệm Internet.

- Kể ra được những việc người sử dụng có thể làm khi truy cập Internet.

**b) Nội dung:**

**-** Internet.

**c) Sản phẩm:**

- Khái niệm Internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  1. Em hiểu Internet là gì?  2. Làm cách nào để máy tính có thể kết nối vào Internet?  3. Người sử dụng có thể làm được những gì khi truy cập Internet?  4. Có các dịch vụ phổ biến nào trên Internet?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các cá nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Internet là một mạng máy tính toàn cầu được tạo ra để liên kết các máy tính và các mạng máy tính.  Câu 2. Để máy tính kết nối vào Internet thì người sử dụng cần đăng kí với nhà cung cấp dịch vụ Internet (VNPT, FPT, Viettel,…) để được hỗ trợ và cấp quyền truy cập Internet  Câu 3. Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, trao đổi,trao đổi thông tin, học ngoại ngữ, xem tin tức, nghe nhạc, xem phim, chơi game, mua bán hàng…  Câu 4. Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet: mạng thông tin toàn cầu (WWW), tìm kiếm, thư điện tử, điện thoại, mạng xã hội, kinh doanh, lưu trữ, trao đổi thông tin,…  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét và đánh giá kết quả, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm đôi và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi (SGK/21):  Em hãy thay các số trong mỗi câu bằng một từ hoặc cụm từ thích hợp?   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Chia sẻ | Liên kết | Thông tin | Dịch vụ | Mạng |   a) Internet là mạng ...(1)... các ...(2)... máy tính trên khắp thế giới.  b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, ...(3)... lưu trữ và trao đổi ...(4)...  c) Có nhiều ...(5)... thông tin khác nhau trên Internet.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  a) Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.  b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin.  c) Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **1. Internet:**  - Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.  - Máy tính có thể được kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet.  - Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin.  - Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử,… |

**Hoạt động 2.2: Đặc điểm của internet (20 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Các đặc điểm của Internet

**b) Nội dung:**

- Đặc điểm của internet.

**c) Sản phẩm:**

- Đặc điểm chính của internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - HS đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành câu hỏi sau:  Câu 1. Internet có những đặc điểm nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọiđại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Internet là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên toàn cầu 🡪*Tính toàn cầu.*  + Người sử dụng có thể nhận và gửi thông tin🡪*Tính tương tác.*  + Tốc độ truy cập Internet cực nhanh nên việc tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin rất thuận tiện, có thể thực hiện trong mọi lúc, ở mọi nơi 🡪*Tính dễ tiếp cận.*  + Internet là một 1 mạng máy tính công cộng toàn cầu, không thuộc sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành🡪*Tính không chủ sở hữu.*  +Thông tin trên Internet rất đa dạng, phong phú, được cập nhật thường xuyên, có thể sao lưu dễ dàng với dung lượng lớn🡪*Tính cập nhật + tính lưu trữ*.  + Truyền tải thông tin dạng văn bản, âm thanh, hình ảnh, video,... *🡪 Tính đa dạng.*  + Người sử dụng không nhất thiết phải dùng tên thật, có thể dùng một tên tuỳ chọn.🡪 *Tính ẩn danh.*  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  - GV có thể giới thiệu thêm một số đặc điểm khác của Internet:  + Đường truyền Internet có tốc độ gần bằng tốc độ ánh sáng, các gói dữ liệu di chuyển trên Internet khoảng 200000 km/giây.  + Tính tương tác hai chiều của Internet: (người sử dụng có thể tiếp nhận và cung cấp thông tin) vượt trội hơn hẳn so với sự tiếp nhận thông tin một chiều trên sách báo, phát thanh, truyền hình.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét và đánh giá kết quả, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau(SGK/21):  Em hãy chọn các phương án trả lời đúng.  1. Internet có những đặc điềm chính nào dưới đây:  A. Tính toàn cầu. B. Tính tương tác.  C. Tính lưu trữ.D. Tính dễ tiếp cận.  E. Tính đa dạng. F. Tính không chủ sở hữu.  2. Trong các đặc điểm của Internet, em thích đặc điểm nào nhất?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  1.Đáp án A, B, D, F.  2. HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về đặc điểm của Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **2. Đặc điểm của internet**  Câu 1: Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.  Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.  1.Đáp án A, B, D, F.  2. HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  - Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu. |

**Hoạt động 2.3: Một số lợi ích của Internet (15 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được các lợi ích của Internet.

- Thấy được sức ảnh hưởng lớn của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống.

- Nhận thức được Internet có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

**b) Nội dung:**

- Lợi ích của internet.

**c) Sản phẩm:**

- Những lợi ích mà Internet đem lại.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1. Em thường sử dụng Internet để làm những việc gì?  Câu 2. Internet có những lợi ích gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  1.HS trả lời theo ý kiến cá nhân.  Screenshot_1  2. Những lợi ích mà Internet đem lại:  - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang web (WWW), tìm kiếm, thư điện tử,...  - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt,...  🡪 Trong một xã hội hiện đại và toàn cầu hoá như hiện nay thì Internet là một phần không thể thiếu, nó ảnh hưởng đến mọi mặt trong cuộc sống và mang đến những lợi ích to lớn cho nhân loại.  -GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét và đánh giá kết quả, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Mỗi học sinh làm việc độc lập, suy nghĩ trong thời gian quy định.  Em hãy chọn những việc mà em có thể làm với Internet:   1. Học ngoại ngữ trực tuyến với người nước ngoài. 2. Nghe nhạc, xem phim trực tuyến. 3. Chơi đá bóng đề nâng cao sức khỏe. 4. Tìm kiếm tư liệu học tập. 5. Gửi thư điện tử.   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Gọi HS trình bày.  Đáp án: A, B, D, E.  - GV: Yêu cầu các HS khác nhận xét.  - HS: Nhận xét, đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm về một số lợi ích của Internet  HS: Lắng nghe, theo dõi, ghi bài vào vở | **3. Một số lợi ích của Internet**  **Lợi ích của Intenet**  - Trao đổi thông tin nhanh chóng và hiệu quả  - Học tập và làm việc trực tuyến  - Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  - Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  - Là phương tiện vui chơi, giải trí  **Những lợi ích mà Internet đem lại:**  - Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả.  - Học tập và làm việc trực tuyến.  - Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú.  - Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống.  - Là phương tiện vui chơi, giải trí.  - Liên hệ: Nhờ có Internet mà trong đại dịch Covid mọi người vẫn có thể làm việc online, học tập, mua bán hàng, liên lạc được với nhau,…. mà chi phí lại rất rẻ |

**Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trong phiếu bài tập sau:  Em hãy chọn phương án đúng:  Câu 1. Internet là mạng:  A. Kết nối hai máy tính với nhau  B. Kết nối các máy tính trong một nước  C. Kết nối các máy tính trong một thành phố  D. Kết nối nhiều mạng máy tính trên phạm vi toàn cầu  Câu 2. Làm thế nào để máy tính kết nối được Internet?  A. Người dùng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet  B. Người dùng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet  C. Người dùng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet  D. Máy tính cần kết nối với Wifi.  Câu 3. Internet ra đời vào năm nào?  A. 1965  B. 1969  C. 1978  D. 1984  Câu 4. Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?  A. Laptop  B. Máy tính  C. Mạng máy tính  D. Internet  Câu 5.Ghép mỗi ô ở cột A với một ô ở cột B để có một phát biểu đúng   |  |  | | --- | --- | | **CỘT A** | **CỘT B** | | 1) Internet là mạng liên kết | a) được cập nhật thường xuyên. | | 2) Có nhiều dịch vụ thông tin trên Internet như | b) tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin trên Internet. | | 3) Thông tin trên Internet | c) www, tìm kiếm, thư điện tử,... | | 4) Người sử dụng có thể | d) các mạng máy tinh trên toàn cầu. |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1. Đáp án D  Câu 2. Đáp án C  Câu 3. Đáp án B  Câu 4. Đáp án D  Câu 5. 1- d; 2 - c; 3 - a; 4 - b  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **Bài tập:**  Câu 1. Đáp án D  Câu 2. Đáp án C  Câu 3. Đáp án B  Câu 4. Đáp án D  Câu 5. 1-d; 2-c; 3-a; 4-b |

**Hoạt động 4: Vận dụng (15phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**

- Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Khắc sâu kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1**  - Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1. Em hãy lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.  Câu 2. Em hãy giải thích tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả, ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1.Trả lời theo ý hiểu của cá nhân  - Đăng kí học online, tìm kiếm các thông tin liên quan đến môn học, chơi một số trò chơi  Câu 2. Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì:  - Internet là một kho học liệu vô tận  - Internet là mạng máy tính toàn cầu, nhờ đó mà thông tin được trao đổi và truyền tải đi khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích cho con người và cho sự phát triển của xã hội.  - Các nhà mạng cũng ngày càng nâng cao chất lượng các dịch vụ để Internet được sử dụng phổ biến và hiệu quả hơn.  - GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  - HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm.  Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì mang lại rất nhiều lợi ích với người sử dụng  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - HS hoàn thành phiếu khảo sát sau: Em hãy đánh dấu “x” vào ô em chọn  Câu 1: Thời lượng trung bình em sử dụng Internet mỗi ngày là:  🞏 Dưới 2 giờ  🞏Từ 2 giờ đến 3 giờ  🞏 Hơn 3 giờ  Câu 2: Em thường truy cập Internet để làm gì?  🞏 Học tập  🞏 Chơi game, vào mạng xã hội  🞏 Xem tin tức  Câu 3: Theo em, hiện nay Internet có vai trò như thế nào trong việc thúc đẩy xã hội phát triển?  🞏 Không đáng kể  🞏 Bình thường  🞏 Quan trọng  Câu 4; Em có cảm nhận về bài học này như thế nào?  🞏 Bình thường  🞏 Thích  🞏 Rất thích  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi ở phiếu khảo sát.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thành phiếu khảo sát theo ý kiến cá nhân. Nộp phiếu khảo sát lại cho GV.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của HS.  - GV đưa ra một số lời khuyên cho HS khi sử dụng mạng Internet. | Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì mang lại rất nhiều lợi ích với người sử dụng  Lời khuyên:  + Không nên truy cập Internet liên tục trong nhiều giờ.  + Không nên dành quá nhiều thời gian lên để chơi game hay lướt mạng xã hội, bình luận không hay trên mạng. Tránh mắc bệnh "nghiện Internet", "sống ảo”,...  + Thông tin trên Internet được đưa lên bởi nhiều nguổn, nhiều thông tin không được kiểm duyệt nên độ chính xác không cao, người dùng không phải tiết lộ danh tính thực sự của họ khi tham gia vào các mạng xã hội trên Internet nên có thể tự do ngôn luận. Mọi hoạt động truy cập thông tin của người dùng đều được máy lưu lại trong lịch sử truy cập. Bởi vậy, trong thế giới ảo của Internet, người dùng cẩn thận trọng khi phát ngôn, chia sẻ thông tin, chọn lọc và kiểm chứng lại thông tin cần sử dụng.  + Không truy cập Internet để xem những nội dung không lành mạnh, không đúng với lứa tuổi của các em,… |